

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Bình

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXX-ST ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Quế Ng, sinh năm 1978 - vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Cụm X, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang cư trú ở Ba Lan) .

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Quế Ng là: Luật sư Giáp Thị Vân - Văn phòng luật sư Kim Vĩnh An- đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang - vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Cụm X, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 24/12/2018 (Đơn có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Ba Lan) nguyên đơn chị Nguyễn Quế Ng trình bày:

Chị và anh Vũ Văn T kết hôn ngày 05/2/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế gia đình. Năm 2004 chị đi xuất khẩu lao động ở Ba Lan. Quá trình đi lao động ở Ba Lan chị có về Việt Nam thăm gia đình một lần nhưng bản thân anh T thường xuyên hắt hủi, chửi

bởi nên chị lại tiếp tục sang Ba Lan lao động. Hiện nay chị vẫn đang trong hợp đồng lao động ở Ba Lan. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải để chị về Việt Nam và anh chị về chung sống cùng nhau nhưng đều không có kết quả. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/11/2002. Hiện nay cháu B đang ở với anh T. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang lao động ở Ba Lan nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T. Chị mời luật sư Giáp Thị Vân - Văn phòng luật sư Kim Vĩnh An- đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị, ngoài ra chị còn ủy quyền cho luật sư Giáp Thị Vân nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Quế Ng kết hôn ngày 05/2/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn, chị Ng về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2004 chị Ng đi xuất khẩu lao động ở Ba Lan. Khi mới sang Ba Lan thì chị Ng thường xuyên liên lạc về hỏi thăm chồng con. Năm 2006 thì ít liên lạc dần, nguyên nhân là do vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tính cách không hợp nhau, sống xa nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ năm 2008 đến nay, anh và chị Ng đã không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay chị Ng vẫn đang lao động ở Ba Lan. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/11/2002 như chị Ng trình là đúng. Hiện nay cháu B đang ở với anh. Ly hôn anh đồng ý với ý kiến chị Ng là đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và chị Ng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Ng và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Ng và anh.

Tại đơn trình bày đề ngày 06/6/2019 cháu Vũ Long B trình bày: Cháu là con của mẹ Nguyễn Quế Ng và bố Vũ Văn T. Hiện cháu đang ở với bố là Vũ Văn T. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Vũ Văn T vì bố cháu chăm sóc cháu từ nhỏ đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Ng là luật sư Giáp Thị Vân, bị đơn anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Ng; bản tự khai của anh T, bản luận cứ của luật sư Giáp Thị Vân, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Quế Ng và anh Vũ Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ng anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Quế Ng là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Ba Lan có đơn xin ly hôn anh Vũ Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại Cụm X, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Quế Ng và anh Vũ Văn T kết hôn ngày 05/2/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Ng về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế gia đình. Năm 2004 chị Ng đi xuất khẩu lao động ở Ba Lan. Khi sang Ba Lan, đến năm 2006 thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, sống xa nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ năm 2008 đến nay thì chị Ng và anh T đã không còn quan tâm tới nhau. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ng và anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị Ng, anh T có 01 con chung là cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/11/2002. Hiện nay cháu B đang ở với anh T. Ly hôn chị Ng anh T đều đồng ý để anh T nuôi cháu B, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Chị Ng, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là cháu B, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị Ng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Ng thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị Ng và anh T đều xác định là để chị Ng và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Quế Ng phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Quế Ng được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/11/2002. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị Ng có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Ng thực hiện quyền này

3. Về án phí: Chị Nguyễn Quế Ng phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000276 ngày 11/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Quế Ng hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Th;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Nhiên